

Ngày 31/12/2024	69,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.5%	1.9%	2.1%

2024	
ROE	22.4%
	+/- YoY ▼ 5.4%

Q4/24	
DT thuần	233
tỷ VNĐ	
	QoQ ▼ 23.0 ▼ 9.0%
	YoY ▲ 14.0 ▲ 6.4%

2024	
DT thuần	764
tỷ VNĐ	
	YoY ▼ 90.0 ▼ 10.6%

Q4/24	
LN gộp	124
tỷ VNĐ	
	QoQ ▼ 45.0 ▼ 26.8%
	YoY ▲ 7.00 ▲ 5.8%

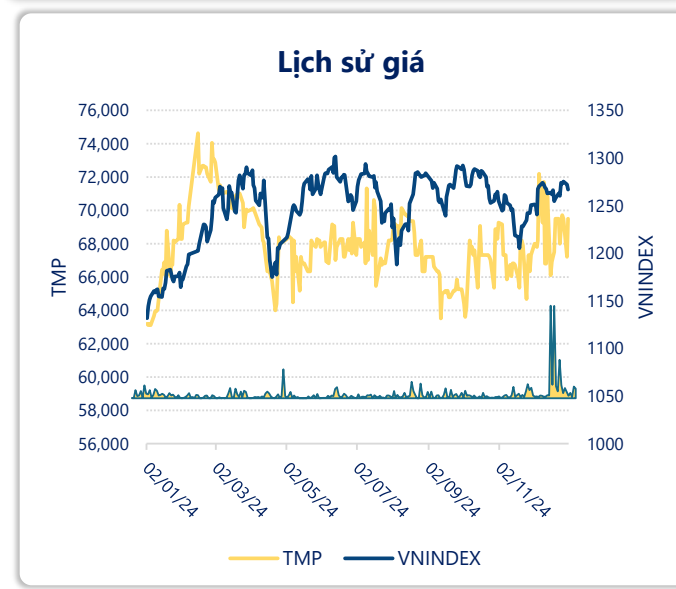
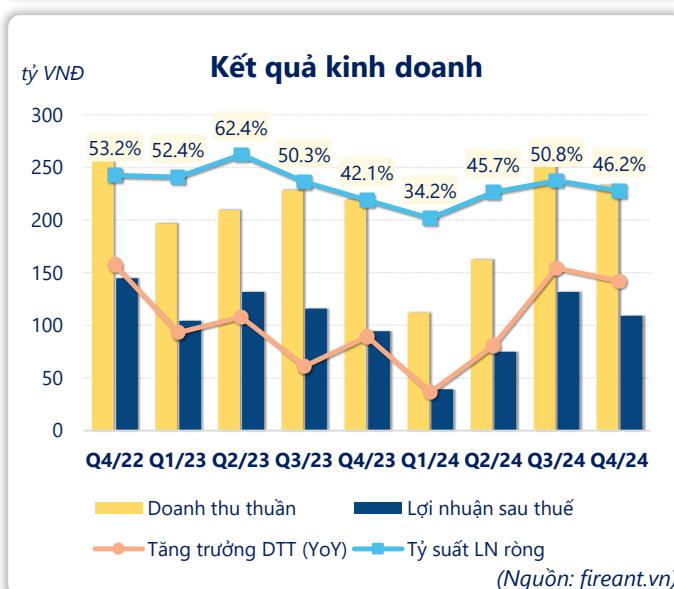
2024	
LN gộp	439
tỷ VNĐ	
	YoY ▼ 100 ▼ 18.5%

Q4/24	
LN thuần	130
tỷ VNĐ	
	QoQ ▼ 31.0 ▼ 19.3%
	YoY ▲ 18.0 ▲ 16.0%

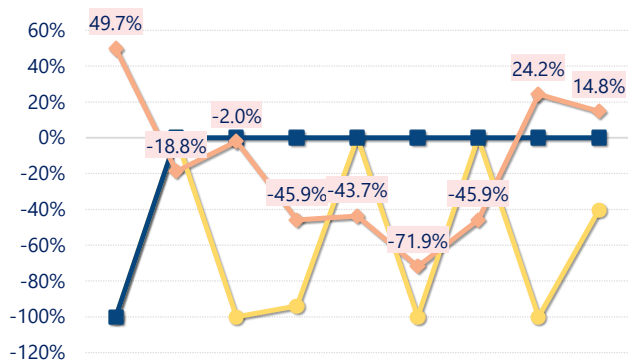
2024	
LN thuần	425
tỷ VNĐ	
	YoY ▼ 129 ▼ 23.2%

Q4/24	
LN sau thuế	109
tỷ VNĐ	
	QoQ ▼ 23.0 ▼ 17.3%
	YoY ▲ 14.7 ▲ 15.8%

2024	
LN sau thuế	355
tỷ VNĐ	
	YoY ▼ 105 ▼ 22.8%



Tăng trưởng lợi nhuận

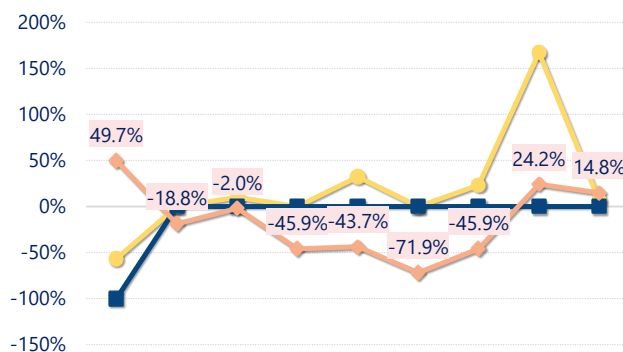


Q4/22 Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24

— Tăng trưởng LN thuần (YoY)
 — Tăng trưởng EBIT (YoY)
 — Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

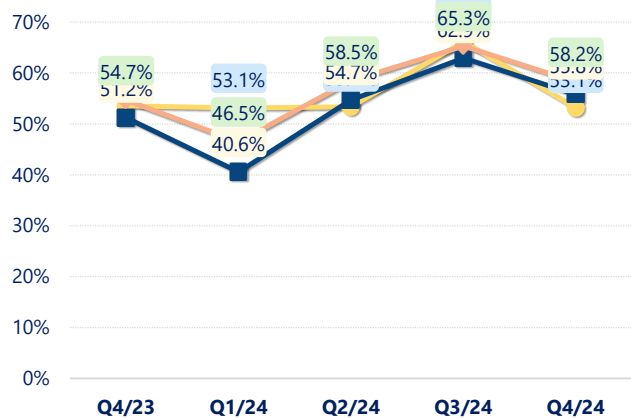


Q4/22 Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY)
 — Tăng trưởng EBIT (YoY)
 — Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24

— Tỷ suất LN gộp
 — Tỷ suất LN thuần
 — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

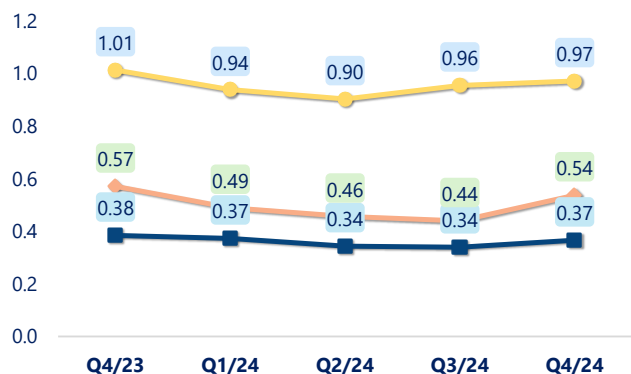


Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24

— Tỷ số thanh toán tiền mặt
 — Tỷ số thanh toán nhanh
 — Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

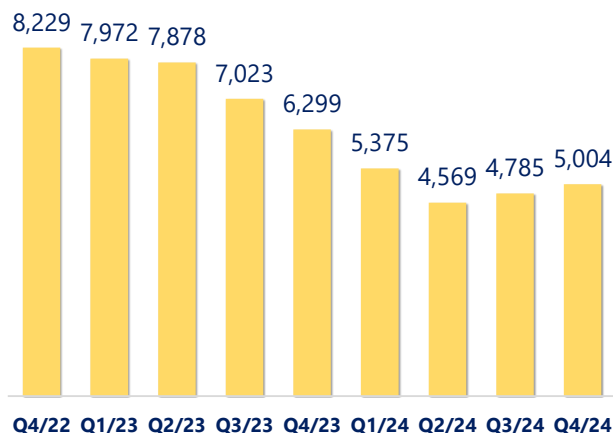


Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24

— Vòng quay TSCĐ
 — Vòng quay Tổng TS
 — Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q4/22 Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	233	219	6.4%	764	854	-10.6%
Giá vốn hàng bán	109	102	7.0%	324	315	2.9%
Lợi nhuận gộp	124	117	5.8%	439	539	-18.5%
Doanh thu HĐTC	21.3	28.0	-23.8%	38.0	83.5	-54.5%
Chi phí TC	5.69	7.43	-23.5%	24.5	35.3	-30.4%
Chi phí lãi vay	5.69	7.43	-23.5%	24.5	35.3	-30.4%
LN trong công ty LKLD	10.3	9.61	6.7%	29.6	20.7	43.4%
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	19.8	35.3	-44.0%	57.1	53.7	6.4%
LN thuần từ HĐKD	130	112	16.0%	425	554	-23.2%
Lợi nhuận khác	0.05	0.09	-42.5%	0.05	0.37	-86.0%
LN trước thuế	130	112	16.0%	425	554	-23.3%
Lợi nhuận sau thuế	109	94.3	15.8%	355	460	-22.8%
LNST của CĐ cty mẹ	108	92.3	16.6%	350	455	-23.0%

(Nguồn: fireant.vn)

